

3. Về tỷ lệ các typ mô bệnh học theo WHO 2014

Trong nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ UTBM tuyến chiếm tỷ lệ cao nhất (61,5%), tiếp đến là UTBM không xếp loại (18,5%), sau đó là UTBM vảy (13,8%) và cuối cùng là nhóm UTKNT (5,2%), trong đó ở nam giới UTBM tuyến chiếm tỷ lệ 60,3% và ở nữ giới là 71,4% điều này cho thấy tỷ lệ UTBM tuyến ngày càng tăng cao trong cả 2 giới. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi khá tương đồng với nghiên cứu của Hoàng Thị Hương (2013), theo tác giả này khi nghiên cứu trên 91 bệnh nhân cao tuổi (≥ 60 tuổi) thì tỷ lệ các typ mô bệnh học lần lượt là UTBM tuyến là 72,5%, UTBM vảy là 13,5%, UTBM tế bào nhỏ là 7,7%, và UTBM không xếp loại là 5,5% [2]. Các nghiên cứu ở Việt Nam và trên thế giới đều cho thấy tỷ lệ UTBM tuyến là ngày càng tăng cao cho cả 2 giới. Theo Nguyễn Vương và CS (1998), tỷ lệ UTBM tuyến chiếm tỷ lệ cao nhất chiếm 37,3%, tiếp đến là UTBM vảy (16,5%). Theo Ngô Quý Châu (1992) tỷ lệ UTBM tuyến là 40,8%, UTBM vảy là 38,2%. Yang P và Cs (2005) nghiên cứu trên 5628 BN UTP tại Mayo Clinic từ 1997 đến 2003 ghi nhận tỷ lệ UTBM tuyến chiếm 45,3%, UTBM vảy là 23,7%. Funakoshi Y và Cs (2008) nghiên cứu trên 4556 BN UTP tại Nhật Bản cũng ghi nhận UTBM tuyến chiếm 52,7%, UTBM vảy chiếm 32,3% [4]. Việc xác định chính xác typ mô bệnh học trên mảnh sinh thiết nhỏ là yếu tố cực kỳ quan trọng giúp cho quá trình tiên lượng và điều trị, đặc biệt đối với bệnh nhân cao tuổi, sức khỏe yếu không cho phép tiến hành thủ thuật nhiều lần, đồng thời mang lại nhưng cơ hội lớn đối với việc điều trị cho bệnh nhân nhằm nâng cao sức khỏe, hạn chế tiến triển bệnh và nâng cao chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu trên 65 bệnh nhân từ 60 tuổi trở

lên được chẩn đoán UTP tại Bệnh viện Hữu nghị từ 01/01/2015 đến 31/12/2016, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- UTP ở người cao tuổi (≥ 60 tuổi) chủ yếu tập trung ở nhóm tuổi 70-79 tuổi (52,3%), tỷ lệ nam/nữ $\approx 9/1$.

- Về đặc điểm hình thái các typ mô bệnh học: UTBM chiếm nhiều nhất với 71,2% trong đó sự biệt hoá cấu trúc ống hoặc nhú là 100% và ít biểu hiện chế tiết chất nhầy (12,5%). UTBMV chiếm 12,8% trong đó chủ yếu gặp ở nam giới với 9/9 trường hợp và chủ yếu là biểu hiện sự biệt hoá dạng vòng xoáy hay lát tầng (100%). UTKNT là một u khá hiếm gặp với 5,5% trường hợp và các ung thư tế bào nhỏ có kiểu hình khá thuần nhất với các tế bào có kích thước nhỏ, bào tương hẹp và chất nhiễm sắc mịn, dương tính với các dấu ấn TKNT. Nhóm UTBMKTBN - NOS chiếm tỷ lệ khá cao (18,5%), với hình thái thường là số lượng tế bào u quá ít không đủ tiêu chuẩn để xếp loại và âm tính với các dấu ấn của UTBM, UTBMV hoặc UTKBT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. William D Travis, Elisabeth Brambilla, Allen P. Burke, Alexander Marx, Andrew G Nicholson (2014), "WHO classification of tumours of the Lung, Pleura, Thymus and Heart". IARC Press.
2. Hoàng Thị Hương (2013), "Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của ung thư phổi ở người cao tuổi điều trị tại Trung tâm Hô hấp Bệnh viện Bạch Mai", Luận văn tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa cấp II. Trường Đại học Y Hà Nội.
3. Y American Cancer Society (2010), *Cancer Facts&Figures 2010*.
4. Y Funakoshi Y (2008), "Clinical Characteristics and Surgery of Primary Lung Cancer in Younger Patients", *Asian Cardiovasc Thorac Ann* 16, p. 387-391.

SỰ HÀI LÒNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ Y TẾ CỦA NGƯỜI BỆNH ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ TẠI KHOA NỘI – TỔNG HỢP BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2016

PHẠM TƯỜNG VÂN¹, PHẠM HUY TUẤN KIỆT¹
NGUYỄN THỊ THU THUY¹, NGUYỄN THỊ THUY²
¹Trường Đại học Y Hà Nội
²Bệnh Viện Lao Phổi Trung ương

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội từ 01/01/2016 đến

Chịu trách nhiệm: Phạm Tường Vân
Email: phamtuongvan@hmu.edu.vn
Ngày nhận: 27/6/2017
Ngày phản biện: 18/7/2017
Ngày duyệt bài: 28/7/2017
Ngày xuất bản: 20/8/2017

01/06/2016 nhằm đo lường sự hài lòng của 133 người bệnh điều trị nội trú và người nhà bệnh nhân sử dụng dịch vụ y tế tại khoa Nội – Tổng hợp. Bộ câu hỏi được thiết kế dựa trên mẫu "Phiếu khảo sát sự hài lòng của người bệnh nội trú" theo hướng dẫn khảo sát của Cục Quản lý Khám chữa bệnh, Bộ Y tế về hướng dẫn kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2015. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hài lòng chung đối với dịch vụ y tế của bệnh viện mang lại là cao, đạt gần 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về

ơ sở vật chất chỉ chiếm 78,2%; mức độ hài lòng của 4 tiêu chí còn lại đều đạt tỷ lệ cao trên 90%. Gần 30% bệnh nhân chưa thực sự hài lòng về nhà vệ sinh. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu chắc chắn sẽ quay lại và quảng bá bệnh viện với bạn bè, người thân chưa thực sự cao, chỉ đạt gần 60%.

Từ khoá: Sự hài lòng, dịch vụ y tế, người bệnh, khoa Nội, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

SUMMARY

SATISFACTION FOR MEDICAL SERVICES OF THE INPATIENTS AT INTERNAL MEDICINE DEPARTMENT – GENERAL HANOI MEDICAL UNIVERSITY HOSPITAL, 2016

Objective: Cross-sectional descriptive study was conducted at the Hanoi Medical University Hospital from 01/01/2016 to 06/01/2016 to measure 133 inpatients and family members' satisfaction using the medical services at the Department of the Internal Medicine. **Method:** The questionnaire was designed based on the form "questionnaire on satisfaction of the inpatients' survey under the guidance of the Department of Medical Examination Management and Treatment, Ministry of Health's guidance on quality assessment in hospital 2015. **Results:** The results showed that overall satisfaction with medical services of the hospital accounted high percentage, at nearly 90%. In particular, the level of satisfaction about the facilities accounted for 78.2%; Level of satisfaction of the remaining four criteria was high percentages above 90%. However, nearly 30% of patients was not really pleased with the toilets. The percentage of study participants would definitely be back and promote the hospital with friends and relatives, in which was not really reaching high percentage (only 60%).

Keywords: Satisfaction, health services, patients, internal medicine, Medical University Hospital in Hanoi.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Khoa Nội - Tổng hợp, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội có 66 giường bệnh, số lượng bệnh nhân điều trị nội trú là ở mặt bằng cao so với các khoa khác của Bệnh viện, năm 2014 có 4160 bệnh nhân nội trú, năm 2015 tiếp nhận và điều trị 3970 bệnh nhân. Là khoa cần đặt ra vấn đề cạnh tranh bởi các Bệnh viện khu vực đều có khoa nội như khoa Nội – Tổng hợp Bệnh viện Bạch Mai, Thanh Nhân... Người bệnh nội trú là bệnh nhân sử dụng nhiều dịch vụ y tế và nhiều trải nghiệm nhất với dịch vụ y tế [5].

Vì vậy, nhằm đo lường sự hài lòng của bệnh nhân nội trú đối với dịch vụ y tế để góp phần giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được mong muốn của người bệnh và từ đó đưa ra các kế hoạch cải tiến phù hợp. Mục tiêu nghiên cứu mô tả sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú và người nhà bệnh nhân sử dụng dịch vụ y tế tại khoa Nội – Tổng hợp, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, 2016.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng nghiên cứu: 133 người bệnh nội trú và người nhà bệnh nhân sử dụng dịch vụ y tế

Tiêu chuẩn lựa chọn: Người bệnh nội trú đã xong đợt điều trị, đã thanh toán cho đợt điều trị và hoàn thành thủ tục xuất viện hoặc người nhà chăm sóc người bệnh chủ yếu trong thời gian điều trị (có thời gian chăm sóc bệnh nhân lâu nhất đối với bệnh nhân nội trú, chiếm trên 70% tổng số thời gian nằm điều trị) tại khoa Nội – Tổng hợp, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội trong khoảng thời gian thu thập số liệu từ 11/04 – 27/04/2016.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang tại khoa Nội – Tổng hợp, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội từ 01/01/2016 đến 01/06/2016

KẾT QUẢ

Bảng 1: Mức độ hài lòng về khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của đối tượng nghiên cứu

Khả năng tiếp cận dịch vụ y tế	Hài lòng		Không hài lòng	
	n	%	n	%
Sơ đồ, biển báo chỉ dẫn đến các khoa phòng rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm	119	89,5	14	10,5
Thời gian vào thăm người bệnh được thông báo rõ ràng	133	100	0	0,0
Các khối nhà, cầu thang, buồng bệnh được đánh số rõ ràng, dễ tìm	132	99,2	1	0,8
Các lối đi trong bệnh viện, hành lang bằng phẳng, dễ đi	122	91,7	11	8,3
Người bệnh gọi và hỏi được nhân viên y tế khi cần	131	98,5	2	1,5

Về khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa Nội - Tổng hợp, và người nhà là cao: 100% đối tượng nghiên cứu hài lòng với thời gian thăm người bệnh được thông báo rõ ràng. Tỷ lệ hài lòng với các khối nhà, cầu thang, buồng bệnh được đánh số rõ ràng dễ tìm cao thứ 2 trong nhóm các chỉ tiêu với 99,2%; 98,5% đối tượng nghiên cứu hài lòng với việc gọi và hỏi được nhân viên y tế khi cần; 91,7% hài lòng với các lối đi trong bệnh viện, hành lang; 89,5% hài lòng với sơ đồ biển báo.

Bảng 2: Mức độ hài lòng về sự minh bạch về thông tin và thủ tục khám, chữa bệnh của đối tượng nghiên cứu

Sự minh bạch về thông tin và thủ tục	Hài lòng		Không hài lòng	
	n	%	n	%
Quy trình, thủ tục nhập viện rõ ràng, công khai, thuận tiện.	133	100	0	0,0
Được phổ biến về nội quy và những thông tin cần thiết khi nằm viện rõ ràng, đầy đủ.	117	88,0	16	12,0
Được giải thích về bệnh, phương pháp và thời gian dự kiến điều trị rõ ràng, đầy đủ.	127	95,5	6	4,5
Được giải thích, tư vấn trước khi yêu cầu làm các xét nghiệm, thăm dò, kỹ thuật cao rõ ràng, đầy đủ.	129	97,0	4	3,0
Được công khai và cập nhật thông tin về dùng thuốc và chi phí điều trị.	131	98,5	2	1,5

Về mức độ hài lòng với sự minh bạch về thông tin và thủ tục khám, chữa bệnh: 100% đối tượng nghiên cứu hài lòng với quy trình, thủ tục nhập viện rõ ràng, công khai, thuận tiện; 88,0% hài lòng về được phổ biến về nội quy và những thông tin cần thiết khi nằm viện rõ ràng, đầy đủ. Các tiêu chí khác của nhóm hài lòng này đều đạt tỷ lệ hài lòng cao trên 95,0%.

Bảng 3: Mức độ hài lòng của đối tượng nghiên cứu đối với cơ sở vật chất phục vụ

Cơ sở vật chất	Hài lòng		Không hài lòng	
	n	%	n	%
Buồng bệnh nằm điều trị khang trang, sạch sẽ, có đầy đủ các thiết bị điều chỉnh nhiệt độ phù hợp như quạt, máy sưởi hoặc điều hòa	125	94,0	8	6,0
Giường bệnh, ga, gối đầy đủ cho mỗi người một giường, an toàn, chắc chắn, sử dụng tốt	133	100	0	0,0
Nhà vệ sinh, nhà tắm thuận tiện, sạch sẽ, sử dụng tốt	97	72,9	36	27,1
Được bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự, phòng ngừa trộm cắp, yên tâm khi nằm viện	123	92,5	10	7,5
Được cung cấp quần áo đầy đủ, sạch sẽ	131	98,5	2	1,5
Được cung cấp đầy đủ nước uống nóng, lạnh	130	97,7	3	2,3
Được bảo đảm sự riêng tư khi nằm viện như thay quần áo, khám bệnh, đi vệ sinh tại giường... có rèm che, vách ngăn hoặc nằm riêng	129	97,0	4	3,0
Căng-tin bệnh viện phục vụ ăn uống và nhu cầu sinh hoạt thiết yếu đầy đủ và chất lượng	119	95,5	10	7,5
Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh, sạch, đẹp	130	97,7	3	2,3

Bảng 3 cho thấy các tiêu mục của nhóm hài lòng với cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ đa số đạt tỷ lệ trên 90,0%. Thấp nhất là tỷ lệ hài lòng với nhà vệ sinh, nhà tắm thuận tiện, sạch sẽ, sử dụng tốt với 72,9%, tồn tại 27,1% đối tượng không hài lòng với tiêu mục này.

Bảng 4: Mức độ hài lòng của đối tượng nghiên cứu đối với thái độ ứng xử và năng lực chuyên môn của nhân viên y tế

Thái độ ứng xử và năng lực chuyên môn của nhân viên y tế	Hài lòng		Không hài lòng	
	n	%	n	%
Bác sỹ có lời nói, thái độ giao tiếp đúng mực	129	97,0	4	3,0
Điều dưỡng có lời nói thái độ giao tiếp đúng mực	127	96,5	6	4,5
Nhân viên phục vụ có lời nói, thái độ giao tiếp đúng mực	133	100	0	0,0
Được nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ	133	100	0	0,0
Được bác sỹ thăm khám và động viên tại phòng điều trị	130	97,0	4	3,0
Được tư vấn chế độ ăn, vận động, theo dõi và phòng ngừa biến chứng	128	96,2	5	3,8
Nhân viên y tế không có biểu hiện gờy ý bồi dưỡng	133	100	0	0,0

Bảng 5: Mức độ hài lòng đối với kết quả cung cấp dịch vụ của đối tượng nghiên cứu

Kết quả cung cấp dịch vụ y tế	Hài lòng		Không hài lòng	
	n	%	n	%
Cấp phát thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc đầy đủ, chất lượng	132	99,2	1	0,8
Trang thiết bị, Vật tư y tế đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nguyện vọng	132	99,2	1	0,8
Kết quả điều trị đáp ứng được nguyện vọng	121	91,0	12	9,0
Đánh giá về mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế	129	97,0	4	3,0
Hài lòng về giá cả dịch vụ	123	92,5	10	7,5

Bảng 5 cho thấy các tiêu mục cấp phát thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc đầy đủ, chất lượng; trang thiết bị, vật tư y tế đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nguyện vọng đều đạt tỷ lệ hài lòng cao với 99,2%. Hài lòng về mức độ tin tưởng đối với chất lượng dịch vụ y tế ở đây đạt 97,0%; 92,5% hài lòng về giá cả dịch vụ. Thấp nhất là tỷ lệ hài lòng về kết quả điều trị đáp ứng nguyện vọng của người bệnh và người nhà với 91,0%.

Tỷ lệ hài lòng của tiếp cận dịch vụ chung đạt 90,2%. Tỷ lệ hài lòng của chỉ tiêu minh bạch về thông tin và thủ tục khám, chữa bệnh chung đạt 95,5%. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu hài lòng với cơ sở vật chất chung là 78,2%. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu hài lòng chung về thái độ ứng xử và năng lực chuyên môn chiếm 95,5%. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ chung là 92,5%.

BÀN LUẬN

Trong kết quả nghiên cứu, tỷ lệ hài lòng chung với sự minh bạch về thông tin và thủ tục điều trị là rất cao chiếm 95,5%. 100% đối tượng tham gia nghiên cứu hài lòng về quy trình, thủ tục nhập viện, cho rằng thủ tục nhập viện ở đây rất nhanh chóng, không rườm rà hay gây phiền hà gì cho người bệnh và người nhà, thủ tục nhập viện đạt sự hài lòng tuyệt đối của bệnh nhân. Tỷ lệ hài lòng với việc được phổ biến về nội quy nằm viện là 88,0%; có 12,0%. Các tiêu mục còn lại về thông tin và thủ tục điều trị đều rất cao, trên 95,0%. 95,5% bệnh nhân và người nhà bệnh nhân hài lòng với sự giải thích về tình trạng bệnh, phương pháp điều trị, cho rằng bác sỹ giải thích rất rõ ràng dễ hiểu, giúp bệnh nhân hiểu phần nào về bệnh tật và tiến trình điều trị để yên tâm điều trị. 97,0% bệnh nhân hài lòng về giải thích, tư vấn trước khi yêu cầu làm xét nghiệm; 98,5% hài lòng với tiêu mục cập nhật và công khai thông tin dùng thuốc.

Khoa Nội – Tổng hợp của Bệnh viện đã đáp ứng 78,2% tỷ lệ hài lòng cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ chung. Hài lòng tuyệt đối (100%) với tiêu mục giường bệnh, ga gối đầy đủ, an toàn, chắc chắn sử dụng tốt; tỷ lệ hài lòng về buồng bệnh kang trang sạch sẽ, tiện nghi chiếm 94,0%; Các tiêu mục như cung cấp áo quần, cung cấp nước uống, đảm bảo riêng tư khi nằm, căng tin bệnh viện sạch sẽ và môi trường khuôn viên xanh sạch đều đạt tỷ lệ hài lòng cao, trên 95,0%. Tỷ lệ hài lòng về đảm bảo an ninh trật tự đạt 92,5%. Điều đáng chú ý ở mục này là có 27,1% bệnh nhân than phiền về nhà vệ sinh. Có thể hiểu do nhà vệ sinh khép kín nên yêu cầu sự sạch sẽ về nhà vệ sinh của các bệnh nhân ở mức cao. Kết quả nghiên cứu xấp xỉ với kết quả nghiên cứu tại khoa Nội - Tổng hợp, Bệnh viện Nhi đồng, thành phố Hồ Chí Minh cho thấy 76,9% người nhà bệnh nhân đánh giá cơ sở vật chất của bệnh viện kang trang, thoáng mát [6].

Theo kết quả của nghiên cứu, sự hài lòng với kết quả điều trị chung chiếm tỷ lệ cao với 92,5%. Nghiên cứu cho thấy bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa Nội-Tổng hợp và người nhà hài lòng cao với kết quả điều trị và chi phí cho đợt điều trị với tỷ lệ trên 90,0%; 97,0% đánh giá hài lòng với sự tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế; 99,2% hài lòng về cấp phát thuốc và hướng dẫn sử dụng, tỷ lệ này cũng là tỷ lệ hài lòng của đánh giá trang thiết bị, vật tư y tế đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nguyện vọng. Nghiên cứu này cho kết quả về sự hài lòng với mức chi trả cao hơn nghiên cứu sự hài lòng của người bệnh tại khoa khám bệnh – Cấp cứu, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, năm 2008 về tỷ lệ hài lòng đối với tiêu mục này là 78,2% [7].

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu trên 133 người bệnh điều trị nội trú tại khoa Nội - Tổng hợp, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội và người nhà bệnh nhân về sự hài lòng sau khi sử

dụng dịch vụ tại khoa, chúng tôi rút ra được một số kết luận như sau: Mức độ hài lòng chung đối với dịch vụ y tế của bệnh viện mang lại là cao, đạt gần 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về cơ sở vật chất chỉ chiếm 78,2%; mức độ hài lòng của 4 tiêu chí còn lại đều chiếm tỷ lệ cao trên 90%. Có gần 30% bệnh nhân chưa thực sự hài lòng về nhà vệ sinh. Tỷ lệ đối tượng tham gia nghiên cứu chắc chắn sẽ quay lại và quảng bá bệnh viện với bạn bè, người thân chưa thực sự cao, chỉ đạt gần 60%. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$) giữa sự hài lòng đối với tiếp cận dịch vụ y tế, sự minh bạch về thông tin và thủ tục; cơ sở vật chất, ứng xử và năng lực chuyên môn của nhân viên y tế hay sự hài lòng về kết quả điều trị đối với sự hài lòng chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2007). "Chỉ thị số 06/07/CT-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế về việc "Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân".
2. Lê Thanh Chiến (2015). *Nghiên cứu sự hài lòng của người bệnh về khám, chữa bệnh tại 3 Bệnh viện đa khoa hạng I thuộc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh và hiệu quả một số biện pháp can thiệp*, Tiến Sỹ Y học, Học viện quân Y.
3. Bộ Y tế (2013). Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành "Hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của bệnh viện".
4. Bộ Y tế (2015). Thông tư 2151/QĐ/BYT ngày 04 tháng 06 năm 2015 "Về việc phê duyệt kế hoạch triển khai đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh".
5. Bùi Dương Văn (2011). *Đánh giá sự hài lòng của người bệnh với hoạt động khám chữa bệnh tại Bệnh viện Phổi Trung Ương*, Thạc Sỹ Y học, Trường Đại học Y tế công cộng.

ĐẶC ĐIỂM NỘI SOI VÀ MÔ BỆNH HỌC CỦA BỆNH BARRETT THỰC QUẢN

ĐẬU XUÂN CẢNH¹, PHẠM THỊ THU THỦY², NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT³

¹Học viện Y học cổ truyền Việt Nam.

²Trung tâm Y khoa Medic - Thành phố Hồ Chí Minh.

³Đại học Đại Nam

TÓM TẮT

Mở đầu: Bệnh Barrett thực quản được mô tả lần đầu tiên vào năm 1950 bởi Norman Barrett (1903-1979). Barrett thực quản là tình trạng biến đổi biểu mô vảy bình thường ở đoạn xa thực quản thành biểu mô trụ dạng ruột. Đây là một biến chứng thường gặp của bệnh lý trào ngược dạ dày - thực quản. Barrett

thực quản có nhiều nguy cơ trở thành ung thư thực quản. Barrett thực quản xuất hiện ở khoảng 10% bệnh nhân có bệnh lý trào ngược dạ dày- thực quản, và khoảng 10% trong số đó phát triển thành ung thư. Đặc điểm của Barrett thực quản là một biến đổi không hồi phục vì vậy việc kiểm soát căn nguyên là điều quan trọng. Chiến lược điều trị tốt nhất là phòng ngừa và kiểm soát bệnh lý trào ngược dạ dày- thực quản (GERD). Việc chẩn đoán sớm và theo dõi để phát hiện loạn sản qua nội soi và mô bệnh học là rất quan trọng để phòng ngừa tiến triển ung thư của bệnh. Chẩn đoán Barrett thực quản dựa trên nội soi và mô bệnh học, khi có bất kể dấu hiệu nghi ngờ cần tiến hành nội soi thực quản - dạ dày. Hình ảnh nội soi đặc trưng

Chịu trách nhiệm: Đậu Xuân Cảnh

Email: xuancanhvh@gmail.com

Ngày nhận: 14/6/2017

Ngày phản biện: 19/7/2017

Ngày duyệt bài: 03/8/2017

Ngày xuất bản: 20/8/2017